

LESSON 1**I. NEW WORDS**

1.tall	: cao
2.short	: thấp, ngắn
3.slim	: mảnh mai. Thon thả
4.fat	: mập, béo
5.obese	: béo phì, rất mập
6.thin	: gầy, mảnh khảnh
7.appearance	: diện mạo bề ngoài